TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2026
V/v Tranh chấp không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trịnh Chí Linh
Ông Phan Minh Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Kiều D, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)
Số căn cước công dân 096178013316 cấp ngày 22/11/2022
Địa chỉ: Ấp BG, xã HTK, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn L, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Số căn cước công dân 096080013059
Địa chỉ: Ấp BG, xã HTK, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Phạm Kiều D tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Phạm Kiều D và ông Lâm Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn, ông bà chung sống không hạnh phúc, đã ly thân 06 tháng nay nên bà Phạm Kiều D yêu cầu ly hôn với chồng là ông Lâm Văn L.

Về con chung: Bà Phạm Kiều D và ông Lâm Văn L có 02 người con chung tên Lâm Kiều N, sinh ngày 24/01/2002 (giới tính nữ) và Lâm Chí N, sinh ngày 24/6/2005 (giới tính nam). Các con chung đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân nên bà D không đặt ra yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Kiều D xác định bà và ông Lâm Văn L không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Phạm Kiều D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Văn L. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; ông Lâm Văn L có nơi cư trú tại ấp BG, xã HTK, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Phạm Kiều D, ông Lâm Văn L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, bà Phạm Kiều D xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt bà D, ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Phạm Kiều D và ông Lâm Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn, ông bà chung sống không hạnh phúc, đã ly thân 06 tháng nay nên bà Phạm Kiều D yêu cầu ly hôn với chồng là ông Lâm Văn L. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà D và ông L có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Phạm Kiều D và ông Lâm Văn L là vợ chồng.

[2.2] Con chung: Bà Phạm Kiều D và ông Lâm Văn L có 02 người con chung tên Lâm Kiều N, sinh ngày 24/01/2002 (giới tính nữ) và Lâm Chí N, sinh ngày 24/6/2005 (giới tính nam), các con chung đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân nên bà D không đặt ra yêu cầu xem xét. Dó đó, không xem xét về con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Kiều D xác định bà và ông Lâm Văn L không có. Quá trình giải quyết vụ án không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ chung của ông bà nên không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí: Bà Phạm Kiều D phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kiều D về việc không công nhận vợ chồng đối với ông Lâm Văn L.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Kiều D và ông Lâm Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Các cháu Lâm Kiều N, sinh ngày 24/01/2002 (giới tính nữ) và Lâm Chí N, sinh ngày 24/6/2005 (giới tính nam) đã trưởng thành, bà D không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Kiều D xác định bà và ông Lâm Văn L không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Kiều D nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 12 tháng 5 năm 2025, bà D có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0005890 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh